TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 39

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 7 222 461, 1 222 467, 7 223 461, 1 222 457 là:

A. 7 222 461 **B.** 1 222 457 **C.** 1 222 467 **D.** 7 223 461

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «Bảy triệu năm trăm linh chín nghìn không trăm sáu mươi hai» viết là:

A. 7 609 062 **B.** 7 509 162 **C.** 75 090 062 **D.** 7 509 062

Câu 3. *(0,5 điểm)* Dãy số 2, 8, 14, ……, 218 có bao nhiêu số?

A. 37 **B.** 38 **C.** 39 **D.** 36

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 5 với a = 2918, b = 920 là:

A. 7518 **B.** 19 190 **C.** 7528 **D.** 3843

Câu 5. *(0,5 điểm)* Kho thứ nhất có 1855 kg thóc, kho thứ hai có gấp 3 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 581 kg. Cả ba kho có:

A. 13 566 kg **B.** 12 404 kg **C.** 4984 kg **D.** 7420 kg

Câu 6. *(0,5 điểm)* 3 tạ 8 yến = …… kg

A. 380 **B.** 3080 **C.** 308 **D.** 38

Câu 7. *(0,5 điểm)* Hình bình hành ABCD có AB = 8 cm, BC = 6 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 48 cm **B.** 14 cm **C.** 32 cm **D.** 28 cm

Câu 8. *(0,5 điểm)* Lúc 8 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc nhọn **B.** góc bẹt **C.** góc tù **D.** góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 166 668, 266 668, 168 666, 166 686, 167 668.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 7 triệu, 4 chục nghìn, 5 trăm và 2 đơn vị viết là: ……

b) Số «một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm linh tám» viết là: ……

c) Làm tròn số 4 378 106 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 7045 + 333 + 667 = ……

b) 6623 + 1291 − 623 = ……

c) 405 + 7596 + 95 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 500 kg ……. 5300 kg

b) 4 m^2 50 dm^2 ……. 450 dm^2

c) 2 thế kỉ ……. 190 năm

d) 128 934 ……. 118 934

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
b) Hình bình hành có bốn cạnh bằng nhau	
c) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song	
d) Góc bẹt bằng hai góc vuông	

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1222 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 317 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 39

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	A	A	B	A	D	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 266 668, 168 666, 167 668, 166 686, 166 668

b) 266 668 − 166 668 = 100 000

Câu 10.

a) 7 040 502

b) 1 345 508

c) Chữ số hàng chục nghìn là 7 nên được 4 400 000

Câu 11.

a) 7045 + (333 + 667) = 7045 + 1 000 = 8045

b) (6623 − 623) + 1291 = 6000 + 1291 = 7291

c) (405 + 95) + 7596 = 500 + 7596 = 8096

Câu 12.

a) 3500 < 5300

b) 450 = 450

c) 200 > 190

d) 128 934 > 118 934

Câu 13.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1222 × 3 = 3666 (kg)

Ngày thứ ba: 3666 − 317 = 3349 (kg)

Cả ba ngày: 1222 + 3666 + 3349 = 8237 (kg)